TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Số: 16/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Quan Sơn, ngày 17 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản D, xã T H, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa .

Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản D, xã T H, huyện Q S, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mực thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị T và anh Vi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Vi Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Vi Văn T có 01 con chung là cháu Vi Đức K, sinh ngày 27/9/2012. Chị T và anh T thống nhất giao cháu K

cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Thị T không trực tiếp nuôi con chung nên sau khi ly hôn chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

2.3. Về tài sản, công nợ: Chị Hà Thị T và anh Vi Văn T thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Hà Thị T và anh Vi Văn T thống nhất chị Hà Thị T chịu toàn bộ phần án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị T đã nộp theo các số biên lai thu tiền số: AA/2016/0000402 ngày 27/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q S, như vậy chị Hà Thị T được nhận lại số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Q S;
- UBND x.T H,H.Q S, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bàn Hữu Văn